

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU THEO MỤC LỤC NSNN NĂM 2023

Đơn vị tính: Đồng

Tên chương trình mục tiêu	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số Quyết toán
						15.243.612.333
Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (00470)						1.087.184.192
Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo (00472)						541.500.000
Phòng Lao động-TBXH huyện Đồng Phú (1082012)	624	370	398			541.500.000
				7100		541.500.000
				7100	7149	541.500.000
Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng (00473)						236.999.992
Trung tâm y tế huyện Đồng Phú (1094269)	799	370	398			236.999.992
				6400		2.590.000
				6400	6449	2.590.000
				6600		5.300.000
				6600	6649	5.300.000
				6650		100.055.000
				6650	6652	8.100.000
				6650	6699	91.955.000
				7000		129.054.992
				7000	7001	129.054.992
Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững (00474)						166.799.200
Phòng Lao động-TBXH huyện Đồng Phú (1082012)	624	370	398			95.799.200
				6400		26.160.000
				6400	6449	26.160.000
				6650		21.302.000
				6650	6651	1.452.000
				6650	6652	1.000.000
				6650	6657	500.000
				6650	6699	18.350.000
				7000		48.337.200
				7000	7001	48.337.200
Đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin, thực hiện tiểu dự án 3 thuộc dự án 4, chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2023 (8041145)	624	100	103			71.000.000
				9350		71.000.000
				9350	9351	71.000.000
Truyền thông và giảm nghèo về thông tin (00476)						90.000.000
Phòng Văn hóa Thông tin huyện Đồng Phú (1075195)	625	370	398			14.000.000
				7000		14.000.000
				7000	7049	14.000.000
UBND Xã Đồng Tâm (1076051)	800	340	341			12.000.000
				7100		12.000.000
				7100	7149	12.000.000
UBND xã Thuận Lợi (1105436)	800	340	341			48.000.000

Tên chương trình mục tiêu	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số Quyết toán
				7100		48.000.000
				7100	7149	48.000.000
UBND xã Đồng Tiến (1105438)	800	340	341			16.000.000
				8000		16.000.000
				8000	8049	16.000.000
Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình (00477)						51.885.000
Phòng Lao động-TBXH huyện Đồng Phú (1082012)	624	370	398			51.885.000
				6400		2.940.000
				6400	6449	2.940.000
				6650		48.945.000
				6650	6651	26.400.000
				6650	6652	1.000.000
				6650	6657	1.900.000
				6650	6699	19.645.000
Chương trình MTQG - xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (00490)						9.778.301.231
Nâng cao hiệu quả quản lý và thực hiện xây dựng nông thôn mới theo quy hoạch (00491)						538.774.573
Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Đồng Phú (1094271)	620	370	398			538.774.573
				8150		538.774.573
				8150	8153	538.774.573
Phát triển hạ tầng kinh tế xã hội; cơ bản đồng bộ, hiện đại đảm bảo kết nối nông thôn đô thị và kết nối các vùng miền (00492)						7.612.446.721
Xây dựng 12 phòng học Trường Tiểu học Đồng Tiến (Điểm ấp 4) (7947057)	605	070	072			197.551.730
				9300		178.762.732
				9300	9301	178.762.732
				9400		18.788.998
				9400	9402	18.788.998
Xây dựng 12 phòng học, 06 phòng chức năng Trường Tiểu học Tân Lập (7947058)	605	070	072			104.248.000
				9400		104.248.000
				9400	9402	104.248.000
Xây dựng Nhà văn hoá ấp Tân Phú và các hạng mục phụ trợ (7973371)	605	160	161			296.404.326
				9300		296.404.326
				9300	9301	296.404.326
Xây dựng đường nhựa tổ 5, ấp Bù Xăng từ nhà ông Lê Bá Huân đến nhà ông Hứa Văn Rin (7985931)	605	280	292			2.837.379.696
				9300		2.693.787.000
				9300	9301	2.693.787.000
				9400		143.592.696
				9400	9401	74.450.482
				9400	9402	69.142.214
UBND Xã Đồng Tâm (1076051)	800	340	341			40.000.000
				6600		26.720.000
				6600	6606	10.000.000
				6600	6649	16.720.000

Tên chương trình mục tiêu	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số Quyết toán
				6900		13.280.000
				6900	6912	2.990.000
				6900	6913	10.290.000
UBND xã Tân Lợi (1105434)	800	340	341			39.800.000
				6600		9.800.000
				6600	6606	9.800.000
				6900		30.000.000
				6900	6949	30.000.000
UBND xã Thuận Lợi (1105436)	800	340	341			38.340.000
				6600		9.800.000
				6600	6606	9.800.000
				7100		28.540.000
				7100	7149	28.540.000
UBND xã Thuận Phú (1105437)	800	340	341			1.801.470.730
				6550		502.019.800
				6550	6552	502.019.800
				6600		17.000.000
				6600	6606	10.000.000
				6600	6649	7.000.000
				6650		8.950.000
				6650	6651	4.950.000
				6650	6699	4.000.000
				6750		4.000.000
				6750	6756	4.000.000
				6900		980.050.930
				6900	6918	407.504.930
				6900	6922	572.546.000
				6950		60.000.000
				6950	6999	60.000.000
				7750		229.450.000
				7750	7799	229.450.000
UBND xã Đồng Tiến (1105438)	800	340	341			1.156.103.780
				6550		151.800.000
				6550	6552	151.800.000
				6600		156.300.000
				6600	6606	156.300.000
				6650		10.125.000
				6650	6651	3.645.000
				6650	6699	6.480.000
				6750		13.500.000
				6750	6757	13.500.000
				6900		822.578.780
				6900	6918	255.600.000
				6900	6921	536.978.780
				6900	6949	30.000.000
				7750		1.800.000
				7750	7799	1.800.000
UBND xã Tân Phước (1105439)	800	340	341			33.200.000
				6600		10.000.000
				6600	6606	10.000.000

Tên chương trình mục tiêu	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số Quyết toán
				7750		23.200.000
				7750	7799	23.200.000
UBND xã Tân Hưng (1105440)	800	340	341			40.000.000
				6550		22.960.000
				6550	6552	22.960.000
				6600		17.040.000
				6600	6606	10.000.000
				6600	6649	7.040.000
UBND xã Tân Hòa (1105441)	800	340	341			39.900.000
				6600		9.900.000
				6600	6606	9.900.000
				6900		30.000.000
				6900	6949	30.000.000
UBND xã Tân Tiến (1105442)	800	340	341			39.744.000
				6550		30.000.000
				6550	6552	30.000.000
				6600		9.744.000
				6600	6606	9.744.000
UBND xã Tân Lập (1105443)	800	340	341			948.304.459
				6550		30.000.000
				6550	6552	30.000.000
				6600		10.000.000
				6600	6606	10.000.000
				6900		908.304.459
				6900	6922	908.304.459
Tiếp tục thực hiện có hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông thôn (00493)						1.141.079.937
Phòng Nông nghiệp-PT nông thôn huyện Đồng Phú (1075807)	612	370	398			149.999.939
				6700		144.815.939
				6700	6702	47.600.000
				6700	6704	97.215.939
				7000		5.184.000
				7000	7001	5.184.000
Phòng Tư pháp huyện Đồng Phú (1075200)	614	370	398			221.080.000
				6650		13.700.000
				6650	6652	3.600.000
				6650	6699	10.100.000
				6750		4.500.000
				6750	6751	4.500.000
				7000		202.880.000
				7000	7001	202.880.000
Huyện Đoàn TNCS HCM huyện Đồng Phú (1075198)	711	370	398			499.999.998
				6550		370.000
				6550	6551	370.000
				6650		386.429.998
				6650	6651	54.210.000
				6650	6652	9.000.000
				6650	6655	4.400.000
				6650	6657	101.300.000

Tên chương trình mục tiêu	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số Quyết toán
				6650	6699	217.519.998
				7000		13.200.000
				7000	7049	13.200.000
				7750		100.000.000
				7750	7799	100.000.000
Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện Đồng Phú (1075952)	712	370	398			270.000.000
				6650		240.000.000
				6650	6651	46.280.000
				6650	6652	18.000.000
				6650	6655	7.300.000
				6650	6657	15.600.000
				6650	6699	152.820.000
				7000		30.000.000
				7000	7001	30.000.000
Nâng cao chất lượng, phát huy vai trò Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới (00499)						100.000.000
Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện Đồng Phú (1075812)	710	370	398			100.000.000
				6650		100.000.000
				6650	6651	12.948.000
				6650	6657	22.000.000
				6650	6699	65.052.000
Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình nông thôn mới (00502)						386.000.000
Đài Truyền thanh và Truyền hình huyện Đồng Phú (1094267)	640	370	398			386.000.000
				6950		386.000.000
				6950	6954	386.000.000
Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030 (00510)						4.378.126.910
Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (00511)						1.296.900.000
Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Hỗ trợ xây dựng mới nhà ở) cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số (8061734)	605	280	309			308.000.000
				9300		308.000.000
				9300	9301	308.000.000
Dự án 1 Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Hỗ trợ xây dựng mới nhà ở) cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số (8062490)	605	280	309			176.000.000
				9300		176.000.000
				9300	9301	176.000.000
Dự án 1: giải quyết tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Hỗ trợ xây dựng mới nhà ở) (8064907)	605	280	309			88.000.000
				9300		88.000.000
				9300	9301	88.000.000

Tên chương trình mục tiêu	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số Quyết toán
Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh) cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số (8065262)	605	280	309			15.000.000
				9300		15.000.000
				9300	9301	15.000.000
Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS năm 2023 (đợt 1): Hỗ trợ xây dựng nhà vệ sinh cho các hộ đồng bào dân tộc thiểu số xã Thuận Lợi (8067350)	605	280	309			45.000.000
				9300		45.000.000
				9300	9301	45.000.000
Chương trình MTQG, Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt (Hỗ trợ sửa nhà ở) cho các hộ đồng bào dân tộc (8067351)	605	280	309			29.000.000
				9300		29.000.000
				9300	9301	29.000.000
Phòng Lao động-TBXH huyện Đồng Phú (1082012)	624	370	398			185.900.000
				7100		34.500.000
				7100	7149	34.500.000
				8000		151.400.000
				8000	8049	151.400.000
Thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững thực hiện Chương trình giảm 1.000 hộ nghèo DTTS (đợt 1): Hỗ trợ nước sinh hoạt (giếng khoan) (8063409)	683	280	309			450.000.000
				9300		450.000.000
				9300	9301	450.000.000
Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (00514)						2.053.060.910
Đầu tư CSHT thiết yếu phục vụ SX, đời sống trong vùng ĐBDTSMN (nâng cấp cải tạo đường GTNT từ ngã ba nhà ông Ba Phương đi nhà bà Út Linh kết nối xã Tân (8027003)	683	280	292			2.053.060.910
				9300		1.861.898.000
				9300	9301	1.861.898.000
				9400		191.162.910
				9400	9402	191.162.910
Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực (00515)						549.566.000
Phòng Lao động-TBXH huyện Đồng Phú (1082012)	624	370	398			236.831.000
				6550		7.000.000
				6550	6552	7.000.000
				6650		229.831.000
				6650	6651	109.561.000
				6650	6652	1.050.000
				6650	6699	119.220.000
Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Đồng Phú (1114322)	799	370	398			312.735.000
				7000		196.575.000
				7000	7001	59.448.000

Tên chương trình mục tiêu	Chương	Loại	Khoản	Mục	Tiểu mục	Số Quyết toán
				7000	7049	137.127.000
				7750		116.160.000
				7750	7799	116.160.000
Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch (00516)						40.600.000
Trung tâm VH TT - TT (1094265)	799	370	398			40.600.000
				6200		16.500.000
				6200	6249	16.500.000
				6400		4.210.000
				6400	6449	4.210.000
				6750		2.600.000
				6750	6751	1.800.000
				6750	6757	800.000
				7000		17.290.000
				7000	7001	17.290.000
Chăm sóc Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (00517)						98.000.000
Trung tâm y tế huyện Đồng Phú (1094269)	799	370	398			98.000.000
				6600		13.500.000
				6600	6649	13.500.000
				6650		61.900.000
				6650	6652	5.250.000
				6650	6699	56.650.000
				7000		22.600.000
				7000	7001	22.600.000
Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (00521)						340.000.000
Phòng dân tộc huyện Đồng Phú (1106355)	683	370	398			340.000.000
				6400		2.000.000
				6400	6401	2.000.000
				6600		60.794.000
				6600	6606	60.794.000
				6650		264.080.000
				6650	6651	72.480.000
				6650	6652	8.400.000
				6650	6657	8.000.000
				6650	6699	175.200.000
				7000		13.126.000
				7000	7001	13.126.000

Ngày 29 tháng 5 năm 2024

KHO BẠC NHÀ NƯỚC ĐỒNG PHÚ

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ngày 29 tháng 5 năm 2024

PHÒNG TÀI CHÍNH - KẾ HOẠCH

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Thị Lợi

Nguyễn Ngọc Cường